TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 61/2019/HSST
Ngày 10-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hán Hưởng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lợi

2. Bà Hà Thị Hải

-***Thư ký phiên tòa***: Ông Đỗ Trọng T-Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1988; tại huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu 03, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Làm rộng; trình độ văn hoá lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Trung Đ; sinh năm 1955; con bà PH Thị L (đã chết); bị cáo có vợ là Lường Thị H, sinh năm 1991 và 02 người con. Con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền sự, tiền án: Không.

(Tại danh chỉ bản số 124 của Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập ngày 16/5/2019).

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 15/5/2019. Chuyển tạm giam ngày 24/5/2019.

Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ (có mặt).

2. Nguyễn Giang Q, sinh năm 1980, tại huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu 16 V, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Trung T; sinh năm 1956; con bà Nguyễn Thị N; sinh năm 1956; bị cáo có vợ là Hoàng Thị Y, sinh năm 1989 và 02 người con. Con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền sự, tiền án: Không.

(Tại danh chỉ bản số 130 của Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập ngày 24/5/2019).

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/5/2019. Chuyển tạm giam ngày 02/6/2019. Được tại ngoại ngày 28/6/2019, Hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

3. Nguyễn Phi H, sinh năm 1982, tại huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu 16 V, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; không xác định được cha; con bà Phạm Thị H; sinh năm 1959; bị cáo có vợ là Hà Thị Hương G, sinh năm 1985 và 02 người con. Con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền sự, tiền án: Không.

(Tại danh chỉ bản số 131 của Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập ngày 24/5/2019).

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/5/2019. Được tại ngoại ngày 02/6/2019. Hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

4. Hà Văn Tr, sinh năm 1985, tại huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu 16 V, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; Con ông Hà Minh D, sinh năm 1949; con bà Nguyễn Thị P; sinh năm 1954; bị cáo có vợ là Lê Thị T, sinh năm 1989 và 03 người con. Con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền sự, tiền án: Không.

(Tại danh chỉ bản số 132 của Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập

ngày 24/5/2019).

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/5/2019. Được tại ngoại ngày 02/6/2019. Hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

- Người bị hại: Công ty TNHH thương mại dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp P (Công ty P).

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Mai Huy S (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Anh Mai Huy S, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu 06, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Hà Thị Hương G, sinh năm 1985 (vợ bị cáo Nguyễn Phi H).

Địa chỉ: Khu 16 V, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/4/2019, tại phòng bảo vệ ở cổng chính công ty TNHH MTV gia cầm H Phú Thọ; tại khu 16 V, xã Đồ. Nguyễn Thanh T, Nguyễn Giang Q; cả hai làm bảo vệ công ty H. Q nói với T: Bọn công ty P đang thi công ở công ty H Phú Thọ nó láo, mày cứ làm căng lên để bắt nó viết bản cam kết tự trông lấy đồ, sau nó sẽ tìm đến mình, đừng có đòi hỏi gì.

Nghe Q nói vậy thì T nghĩ là phải làm căng để người của Công ty P phải đưa tiền. Do biết anh Nguyễn Văn N và anh Mai Huy S đang tạm trú tại khu 06, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ là công nhân kỹ thuật của Công ty TNHH thương mại dịch vụ kỹ thuật Nông nghiệp P nên T đã dùng số điện thoại 0356.257.595 gọi đến số điện thoại của N là 0395.020.446, T nói với N là "Anh phải viết cam kết cho em tự trông đồ, anh đưa người vào ăn cắp làm ảnh hưởng đến bọn em".

Đến ngày 01/5/2019, T lại gọi điện thoại bảo anh N lên phòng bảo vệ công ty H gặp T và Q. Khi gặp anh N thì T tiếp tục yêu cầu anh N phải viết cam kết tự trông lấy đồ và tài sản của Công ty anh N. Lúc này Q cũng nói anh N về việc N thuê người vào làm đã trộm cắp tài sản ảnh hưởng đến công việc của Q và T. Thì

anh N nói "Để về báo sếp" và đi về.

Sau đó T gọi điện thoại đến số 0989.222.201 của anh S và nói với anh S "Mày bảo công ty mày hỗ trợ tao một ít, thì tao bảo lãnh cho chúng mày làm ở đây, không mất một cái gì cả, nếu không thì chúng mày nghỉ". Mục đích là để anh S phải đưa tiền cho T nếu không T sẽ không để cho yên.

Đến khoảng 19 giờ ngày 03/5/2019, sau khi uống rượu xong thì T điện thoại cho anh N nói "Đ mẹ mày, mày vào trong quán này nói chuyện với tao, mày nói gì với công ty để công ty nó nói tao" thì anh N nói "em không báo", T còn chửi anh N thì anh N tắt máy. Sau đó T, Q và Hà Văn Tr ở cùng khu 16, V, xã Đ đi đến phòng trọ của anh N và anh S, khi đến nơi anh N không có ở đó mà chỉ có anh S thì T nói với anh S "Bảo thằng N về gặp tao không thì cút khỏi đây", mục đích T nói để cho anh S phải sợ T.

Sau đó T cùng Q và Tr đi về quán bia của T ở khu 16 V, xã Đ và T gọi điện thoại cho anh N nhưng anh N không nghe máy. Lúc này Q bảo T cho Q số điện thoại của anh N để Q gọi điện; qua điện thoại Q bảo với anh N quay lại nơi ở, Q đã dàn xếp xong việc mâu thuẫn giữa T với anh N. Rồi Q đưa điện thoại cho T nói chuyện với anh N, T nói với anh N là "anh quay lại làm đi em nóng thì làm vậy thôi" còn anh N sau khi nghe điện thoại của T xong do lo sợ bị T đánh nên anh N đã đi xe máy về Hà Nội, khi đi đến cầu Trung Hà thì Q gọi điện bảo anh N quay lại làm việc, Q đã dàn xếp xong rồi nên anh N đã đồng ý và quay về nhà trọ ở khu 06, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 04/5/2019, T bảo anh N đến quán bia của T ở khu 16, V, xã Đ để gặp T, khi anh N đến thì có T, Tr và Q ở trong quán, lúc này T nảy sinh ý nghĩ là nói với anh N về việc tối hôm trước đi hát karaoke mất nhiều tiền, để buộc anh N phải đưa tiền cho T (thực tế T không đi hát) nên T có nói với anh N là tối hôm qua đi hát karaoke hết 11.700.000đồng, mày tính thế nào, mục đích là để anh N phải đưa tiền cho T. Do lo sợ sẽ bị T đánh và làm ảnh hưởng đến việc thi công của mình và anh S nên anh N đã đồng ý và hẹn đến ngày 10/5/2019 có lương thì sẽ đưa cho T 6.000.000đồng.

Sáng ngày 05/5/2019, do lo sợ nên anh N đã xin nghỉ làm mấy ngày để về quê (từ ngày 05/5 đến ngày 13/5/2019), đến chiều tối cùng ngày, T điện thoại cho anh S, T nói với anh S "Đấy hôm qua tình hình tao đưa anh em đi hát đấy thích thì hỗ trợ cho tao một nửa, thế thôi ok, được thì làm việc, nếu không thì thôi" anh S nói lại "Bao nhiêu anh, bao nhiêu em đâu có biết đâu", T lại nói tiếp "Đấy em cứ bảo nó hỗ trợ một nửa, cho mày 15 phút để đàm phán với chúng nó, chúng nó đồng ý

thì gọi lại cho tao, thế thôi". Anh S nói lại "Bao nhiêu em có biết đâu" "Bao nhiêu anh cứ nói thẳng để em báo công ty" T nói lại với anh S" Đấy mày báo công ty tao nói chuyện với mày thế, còn không thì tốt nhất chúng mày biến mẹ đi, tao đéo cần" sau đó T tắt máy.

Khoảng 15 phút sau anh S gọi lại cho T và nói " Bây giờ anh nói thẳng bao nhiêu để em còn nói với Công ty. T nói lại "Bây giờ tao nói thẳng luôn là 6.000.000đ, tao còn bảo lãnh cho chúng mày luôn". Thì anh S nói "Sáu triệu là khi nào luôn, từ giờ đến cuối công trình hay là" thì T lại nói tiếp "Cho mày đến 3 năm, tao bảo lãnh luôn người chúng mày, tao bảo lãnh luôn" anh S lại nói tiếp "Để em báo công ty" thì T nói tiếp "Bây giờ mày báo luôn công ty đi xong rồi một lúc nữa mày phải vào trả lời tao luôn" rồi T tắt máy.

Do lo sợ sẽ bị T đánh và không cho làm việc nên đến ngày 11/5/2019, anh S đi xuống Hà Nội và đưa cho anh N 6.000.000đ để anh N cầm lên xã Đ đưa cho T. Đến khoảng 17 giờ ngày 13/5/2019 thì anh N đi cùng anh Hà Viết T đến quán bia của T ở khu 16 V, xã Đ. Tại đây, anh N đã đưa cho T 6.000.000đ, T cầm tiền và nói "Ok, bọn anh cứ làm hết công trình đi" và nói với anh N là khi nào anh S lên thì bảo lên gặp T.

Đến khoảng 20 giờ ngày 13/5/2019 T gặp anh Q tại quán bia của T ở khu 16 V, xã Đ và T đã đưa cho Q số tiền 6.000.000đ mà anh N đã đưa cho T.

Ngày 14/5/2019, T gặp anh N và nói "Việc của anh thì xong rồi, còn việc của thằng S đã hứa là mỗi tháng hỗ trợ một triệu từ hai năm trước, đến nay thì em lấy năm triệu" sau đó anh N về nói chuyện lại với anh S về việc T tiếp tục yêu cầu anh S phải đưa thêm cho T số tiền 5.000.000đ, nếu không thì sẽ không cho anh S lên làm nữa. Sau khi được anh N thông báo lại việc T yêu cầu như trên anh S lo sợ nếu không tiếp tục đưa tiền cho T thì sẽ bị T đánh và không cho làm nữa nên ngày 15/5/2019 anh S đã làm đơn tố cáo hành vi Cưỡng đoạt tài sản của Nguyễn Thanh T đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê.

Ngày 16/5/2019 cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thanh T nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Vật chứng thu giữ: Của Nguyễn Thanh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím loại A3S có số Imel 1: 869347030166990; số Imel 2: 869347030166982 được gắn hai sim số 0356.527.595 và sim số 0328.580.712.

Ngày 28/5/2019 anh Nguyễn Văn N nộp cho cơ quan điều tra 01 đĩa DVD "Ducviet company" một mặt màu vàng, một mặt màu trắng; anh Mai Huy S giao

nộp cho cơ quan điều tra 01 đĩa DVD "DucViet company"; 01 bản phô tô cuộc gọi có ghi âm "chi tiết cuộc gọi".

Ngày 16/5/2019, Nguyễn Giang Q đã tự nguyện nộp cho cơ quan điều tra số tiền 6.000.000đ.

Tại cơ quan điều tra, T khai nhận khi Q nói với T là "Bọn công ty P nó láo, mày cứ làm căng lên, để bắt nó viết bản cam kết để nó tự trông lấy đồ, sau nó sẽ tự tìm đến mình, đừng có đòi hỏi gì" thì Q bảo T là làm căng lên còn Q sẽ là người đứng ra dàn sếp nên T hiểu ý Q là phải có lời lẽ đe dọa và làm căng lên để anh N và S phải đưa tiền, do vậy mà T đã gọi điện và gặp để đe dọa anh N và anh S.

Quá trình điều tra, Nguyễn Giang Q khai nhận Q có nói với Nguyễn Thanh T nói chuyện với Công ty P về việc yêu cầu họ viết cam kết tự trông tài sản, nếu không trông thì phải nhờ, thì mới bảo vệ tài sản cho Công ty P, nếu không nhờ thì không được lấy tiền. Q không chỉ đạo T phải đe dọa hay yêu cầu Công ty P đưa tiền và cũng không biết việc T nhận tiền của anh Nguyễn Văn N, đồng thời tại cơ quan điều tra anh S và anh N đều khai nhận chỉ một mình Nguyễn Thanh T gặp, gọi điện đe dọa và chiếm đoạt số tiền 6.000.000đ, ngoài ra không có ai đe dọa anh S và anh N.

Đối với số tiền 6.000.000đồng T đưa cho Q, Q khai nhận do trước đó T nợ Q số tiền 20.000.000đ, sau đó trả dần còn nợ khoảng 13.000.000đ (cả Q và T đều thừa nhận có việc vay nợ trên) nên khi T đưa tiền cho Q thì Q nghĩ đó là tiền mà T trả nợ cho Q và Q không biết số tiền đó là tiền do T đã đe dọa để chiếm đoạt của anh N và anh S mà có. Do vậy chưa đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Giang Q về hành vi cưỡng đoạt tài sản.

Buổi tối ngày 03/5/2019, Tr có đi cùng Q và T vào phòng trọ của N và S; Ngày 04/5/2019, khi anh N đến gặp T ở quán bia thì Tr cũng có mặt ở đó, nhưng khi vào phòng trọ và ở quán bia của T thì Tr không có lời nói hay hành động gì nhằm đe dọa anh N và anh S, Tr cũng không biết việc T đe dọa và chiếm đoạt tiền của anh S.

Do vậy, cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê không đề cập xử lý đối với Tr là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra đã làm rõ số tiền 6.000.000đồng mà anh N đưa cho T là tiền của anh Mai Huy S đưa cho anh N nên ngày 19/5/2019, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê đã trả lại số tiền trên cho anh S.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Thanh T còn khai nhận: Vào khoảng 20 giờ ngày

27/10/2018, T cùng với Hà Văn Tr đến nhà Nguyễn Giang Q chơi, khi đến nhà Q thì Q đang cho gà ăn nên T và Tr vào phòng khách ngồi uống nước. Trong lúc ngồi nói chuyện thì T nói với Tr là "trên công ty P nó có ít đồ lên mà lấy" Tr hiểu ý T là đi trộm cắp tài sản của công ty Phát Nghĩa nên Tr đồng ý. Sau đó Q vào nhà ngồi uống nước cùng với Tr và T thì Tr nói với Q về việc Công ty P có ít đồ và muốn rủ Q đi lấy trộm cùng thì Q nói với T và Tr là "Q và T làm bảo vệ ở Công ty H nên không lấy, còn Tr muốn thì cứ vào lấy về mà dùng". Tr nói "Một mình thì không dám trộm đâu", nghe thấy Tr nói vậy thì Q đã dùng số điện thoại 0978.255.995 gọi đến số điện thoại của H là 0368.271.025 và bảo H ra nhà Q chơi. Lúc này Q có nói với Tr về việc Q và T làm bảo vệ công ty và đến ca trực đêm là 23 giờ đến sáng ngày hôm sau, sẽ trực ở công chính và trông camera an ninh của công ty H cho Tr vào trộm cắp, T cũng đồng ý như vậy. Sau đó Q đi ra cho gà ăn còn T dùng xe máy đi mua thuốc lá, Tr thì ngồi một mình ở phòng khách nhà Q. Một lúc sau H đến nhà Q, tại đây H gặp Tr và Tr rủ H đi trộm cắp tài sản của Công ty P, đang thi công xây dựng cho Công ty H thì H nói với Tr "ở trong đấy đầy camera thì lấy sao được", Tr nói với H "Có anh Q và anh T trông camera cho không sợ đâu", lúc này T quay lại nhà Q và Q vào nhà nói chuyện với T, Tr và H. Q có nói với H là Q và T làm bảo vệ thì không trực tiếp lấy được, còn H, Tr cứ vào lấy trộm đồ về mà dùng.

Đến 23 giờ là đến ca trực đêm của Q và T thì cả hai sẽ trông camera cho H và Tr vào lấy. Nghe Q nói vậy, H đồng ý trộm cắp cùng Tr. Tại đây Q, T, H và Tr không thống nhất việc chia tài sản trộm cắp được như thế nào.

Sau khi bàn bạc xong thì T đi lên phòng bảo vệ cổng chính của công ty H xem camera để cảnh giới cho H và Tr vào trộm cắp tài sản. Một lúc sau thì Q đến trực cùng T, T nói với Q không thấy hình ảnh của H và Tr trong camera, sau đó Q và T xem camera để nếu thấy người lạ vào thì điện cho H và Tr không trộm cắp nữa.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, H điều khiển xe máy nhãn hiệu VEMVIPI, BKS 19Y1-8701 của mình chở Tr đi đến đầu đường lối qua bờ ao nhà Q thì H dừng xe máy, dựng ở lề đường, rồi H và Tr đi bộ vào lán để đồ của công ty P nằm trong khuôn viên của Công ty H (lán làm bằng khung sắt, trên lợp tôn và bao quanh bằng tôn), khi đến lán để đồ thì Tr bám vào mép trên tấm tôn thì thấy có cây gỗ bắc ngang qua nên Tr bám hai tay vào cây gỗ, H đứng phía dưới ở ngoài, đẩy Tr chèo qua khe hở giữa mái và tấm tôn vào trong lán. Tr vào trong lán thì thấy có một bao tải xác rắn, nên Tr đưa qua khe hở trên cho H cầm, Tr lấy điện thoại của mình bật đèn soi và lấy: 04 máy khoan sắt; 01 máy khoan bê tông; 01 máy khoan chuyên dụng; 02 máy bắn ghim; 2 súng bắn đinh rút; 01 máy khoan tay; 01 máy cắt; 01

máy bắn ốc; 01 máy hàn que điện tử. Tr đưa qua khe hở cho H thì H cho vào bao tải, rồi Tr tiếp tục lấy 01 máy giữ thăng bằng ba chân và 01 ba lô bên trong có một điều khiển máy lấy thăng bằng laze; 01 đồng hồ đeo tay; 01 đồng hồ đo điện đưa cho H ở ngoài. Sau khi đưa đồ cho H xong thì Tr trèo theo lối cũ ra ngoài. H vác bao tải đựng đồ còn Tr cầm ba lô và cầm máy thăng bằng đi về. Khi đi đến gần nhà Q thì thấy chó nhà Q sủa, sợ bị phát hiện nên H bảo Tr điện thoại cho Q về đuổi chó, Tr sử dụng điện thoại số 0911.193.590 gọi đến số điện thoại của Q 0978.255.995, Tr bảo Q về đuổi chó thì Q bảo T ở lại phòng bảo vệ để Q về nhà đuổi chó cho H và Tr thì Tr nói "Bọn em lấy được nhiều đồ lắm" sau đó cả Tr và H thống nhất mang đồ trộm cắp được về nhà H. H điều khiển xe máy để bao tải xác rắn đựng đồ trộm cắp ở phía trước càng xe, Tr ngồi phía sau, đeo ba lô, cầm máy giữ thăng bằng về nhà H, sau đó H và Tr cất giấu tài sản ở bếp nhà H, rồi Tr đi về. Còn Q, sau khi gặp Tr và H thì đi về phòng bảo vệ và nói với T là bọn nó lấy được nhiều đồ lắm rồi bảo T về phòng ở cổng phụ nghỉ, Q tiếp tục trực ở cổng chính.

Sáng hôm sau Tr điện thoại nói với Q đã cất giấu đồ trộm cắp ở nhà H, còn Công ty TNHH Dịch Vụ kỹ thuật Nông nghiệp P sau khi phát hiện mất tài sản đã báo Công an huyện Cẩm Khê.

Ngày 29/10/2018, do thấy có lực lượng công an đến làm việc, nên chiều cùng ngày Q điện thoại cho H bảo H và Tr mang đồ trộm cắp đi trả và không được nói cho ai biết. Sau đó Q nói với T là đã bảo H và Tr mang đồ trộm cắp đi trả, còn H điện thoại cho Tr nói về việc công an đến điều tra nên mang đồ trộm cắp đi trả và hẹn Tr đến 23 giờ cùng ngày gặp nhau ở đồi sau nhà H, Tr đồng ý; sau đó H đổ bao tải đựng đồ trộm cắp trước đó ra và cho vào bao tải xác rắn khác cho gọn. Đến giờ hẹn, H ra gặp Tr, rồi mang đồ trộm cắp đến để ở gần hố phân, trong khuôn viên của công ty H rồi H cầm bao tải xác rắn và một ba lô về nhưng không biết bên trong ba lô có tài sản gì. Trên đường về H vứt ba lô và bao tải xác rắn ở khu đồi Chăn nuôi thuộc khu 16 V, xã Đ rồi đi về nhà.

Sáng 30/10/2018, anh Hoàng A là nhân viên phòng Hành chính tổng hợp Công ty H thấy đồ của công ty P bị trộm cắp nên đã báo cơ quan công an giải quyết và giao nộp toàn bộ số tài sản công ty P bị trộm cắp cho Công an huyện Cẩm Khê.

Quá trình điều tra xác định các tài sản mà Công ty P bị trộm cắp phù hợp với lời khai của H và Tr.

Ngày 06/11/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê đã yêu cầu định giá tài sản các tài sản bị H và Tr trộm cắp. Tại kết luận định giá tài sản số 70 ngày 06/11/2018 đã xác định tổng giá trị tài sản là 35.400.000đồng.

Ngày 08/11/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Cẩm Khê đã trả lại các tài sản trên cho Công ty P (do anh Mai Huy S là người đại diện theo ủy quyền nhận).

Ngày 29/5/2019, cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê tiếp tục ra quyết định yêu cầu định giá tài sản đối với số tài sản bị trộm cắp chưa định giá gồm: 01 điều khiển máy lấy thăng bằng laze; 01 chiếc ba lô có 02 dây đeo; 01 đồng hồ đeo tay LoKmat; 01 đồng hồ đo điện đã qua sử dụng có tổng giá trị là 1.420.000đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 36.820.000đồng.

Vật chứng thu giữ:

Ngày 29/10/2018, anh Phạm Ngọc C - Trưởng phòng tổ chức hành chính Công ty H giao nộp cho cơ quan điều tra 01 đĩa CD ký hiệu RIDATA.

Thu giữ của Nguyễn Giang Q một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng gắn 01 sim điện thoại số 0978.255.995.

Thu giữ của Hà Văn Tr 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J2 prime gắn 01 sim điện thoại số 0911.193.590

Thu giữ của Nguyễn Phi H 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen được gắn 02 sim điện thoại số 0386.271.025 và sim số 0336.834.651.

Ngày 24/5/2019, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện cẩm Khê tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Phi H tại khu 16 V, xã Đ và thu giữ thêm của H 01 xe mô tô nhãn hiệu VEMVIPI, BKS 19Y1 – 8701 màu đen bạc. Còn chiếc bao tải xác rắn H để ở nhà thì không thu giữ được.

Đối với 01 bao tải và 01 ba lô mà H khai đã vứt ở đồi chăn nuôi thuộc khu 16 V, xã Đ cơ quan điều tra công an huyện Cẩm Khê đã tiến hành rà soát vật chứng nhưng không tìm thấy.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra đại diện Công ty P không yêu cầu các bị can phải bồi thường gì đối với tài sản đã bị trộm cắp chưa thu hồi được.

Cáo trạng số 59/CT-VKSCK-HS ngày 03/9/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội Cưỡng đoạt tài sản và tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 170 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Truy tố các bị cáo Nguyễn Giang Q; Hà Văn Tr và Nguyễn Phi H phạm tội trộm cắp tài sản.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i; s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Giang Q; Nguyễn Phi H và Hà Văn Tr.

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 điểm b khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T; Nguyễn Giang Q; Hà Văn Tr và Nguyễn Phi H từ 21 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản". Trừ thời hạn tạm giữ tạm giam đối với các bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 12 đến 15 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Tổng hợp hình phạt của hai tội bị cáo phải chấp hành từ 19 tháng đến 23 tháng tù. Tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/5/2019.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận cơ quan Điều tra đã trả lại tài sản cho người bị hại.

Tịch thu 04 điện thoại thu giữ của các bị cáo sử dụng liên hệ trộm cắp tài sản và cưỡng đoạt tài sản để sung quỹ nhà nước và tịch thu sim điện thoại của các bị cáo không còn giá trị sử dụng để tiêu hủy.

Tịch thu 01 chiếc xe mô tô của bị cáo H để sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tham gia tranh luận đối với bản luận tội và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và mong muốn Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:*

Các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2]. *Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:*

Đối với hành vi bị cáo Nguyễn Thanh T bị truy tố về tội cưỡng đoạt tài sản.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là trong thời gian từ ngày 28/4/2019 đến ngày 13/5/2019, T nhiều lần điện thoại cũng như trực tiếp gặp anh Mai Huy S và có hành vi đe dọa uy hiếp tinh thần anh Mai Huy S để buộc anh S phải đưa tiền cho T; đến khoảng 17 giờ ngày 13/5/2019 anh S phải đưa cho anh N là người làm cùng số tiền 6.000.000đồng để nhờ anh N đưa cho T; nhằm mục đích để T cho anh S và anh N tiếp tục thi công tại công ty Hòa Phát. Như vậy, hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần của T đối với anh S đã đủ yếu tố cấu thành tội Cưỡng đoạt tài sản quy định tại Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi các bị cáo Nguyễn Thanh T; Nguyễn Giang Q; Hà Văn Tr và Nguyễn Phi H bị truy tố về tội trộm cắp tài sản.

Quá trình điều tra đã làm rõ: Vào khoảng 23 giờ ngày 27/10/2018, T và Q là bảo vệ công Ty H; ở khu 16 V, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ đã bàn bạc Tr và H, sau khi bàn bạc đã thống nhất để H và Tr vào Công ty H, nơi Công ty P để tài sản để trộm cắp tài sản của Công ty P, còn T và Q ở ngoài cảnh giới. Sau khi Tr và H trộm cắp được tài sản gồm 04 máy khoan sắt; 01 máy khoan bê tông; 01 máy khoan chuyên dụng; 02 máy bắn ghim; 2 súng bắn đinh rút; 01 máy khoan tay; 01 máy cắt; 01 máy bắn ốc; 01 máy hàn que điện tử; 01 máy giữ thăng bằng ba chân và 01 ba lô bên trong có một điều khiển máy lấy thăng bằng laze; 01 đồng hồ đeo tay; 01 đồng hồ đo điện đưa cho H ở ngoài; sau khi lấy được tài sản Tr và H về cất giấu tài nhà H. Do sợ hành vi trộm cắp bị phát hiện, nên đến 23 giờ ngày 29/10/2018 thì H và Tr mang tài sản trộm cắp đến để tại khuôn viên công ty H. Buổi sáng ngày 30/10/2018, anh Hoàng A phát hiện đồ của công ty P bị trộm cắp nên báo công an

làm rõ trả lại cho công ty P. Kết quả định giá tài sản bị trộm cắp, đã xác định được tổng giá trị tài sản là 36.820.000đồng.

Xét vai trò của bốn bị cáo thấy rằng: Bị cáo Q và bị cáo T là bảo vệ công ty nhưng lại là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản; là người cảnh giới cho các bị cáo H và Tr vào trộm cắp. Như vậy, Tuy hai bị cáo không trực tiếp trộm cắp tài sản nhưng lại có vai trò chính đối với hành vi trộm cắp tài sản nên phải xử phạt nặng hơn.

Hai bị cáo Tr và H là đồng phạm trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Lời khai của các bị cáo trình bày trộm cắp tài sản của Công ty P phù hợp lời khai của người bị hại; phù hợp biên bản hiện Tr điều tra; lời khai của người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở xác định bốn bị cáo T, Q, H và Tr đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của công ty P. Nên cần chấp nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê đã truy đối với các bị cáo.

[3]. *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:*

Tính chất của hành vi phạm tội cưỡng đoạt tài sản của bị cáo T là nghiêm trọng; tính chất hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo T, Q, Tr và H là ít nghiêm trọng, nhưng các bị cáo đã xâm phạm chế độ sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nên hành vi của các bị cáo phải bị xử lý nghiêm.

[4]. *Về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo*: Các bị cáo Q, H, T và bị cáo Tr bị truy tố tội trộm cắp tài sản có khung hình phạt đến 03 năm tù, thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng; bản thân chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo thành khẩn khai báo giúp việc điều tra được thuận lợi nên được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: "Phạm tội lần đầu và thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng" và "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"; quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được coi là tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt.

Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T bị truy tố về tội cưỡng đoạt tài sản: Bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng: Chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo

không giam giữ đối với tội trộm cắp tài sản cũng đảm bảo trừng trị, giáo dục riêng đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T bị truy tố về tội Cưỡng đoạt tài sản: Cần phải áp dụng hình phạt tù mới đảm bảo trừng trị giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

[5]. *Về khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo:*

Nghề nghiệp chính của các bị cáo là làm ruộng và lao động tự do, đều có thu nhập thấp và không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo bị xử phạt hình phạt cải tạo không giam giữ.

[6]. *Về hình phạt bổ sung:*

Khoản 5 Điều 170 của Bộ luật hình sự quy định: Người phạm tội còn có thiể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự còn quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng".

Xét thấy các bị cáo đều không có tài sản riêng có giá trị, nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7]. *Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng:*

Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho người bị hại cần xác nhận.

04 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo là phương tiện các bị cáo sử dụng để liên hệ bàn bạc trộm cắp tài sản và cưỡng đoạt tài sản phải tịch thu sung quỹ nhà nước.

Sim điện thoại các bị cáo sử dụng liên hệ bàn bạc trộm cắp tài sản và cưỡng đoạt tài sản không còn giá trị sử dụng phải tịch thu để tiêu hủy.

01 chiếc xe mô tô bị cáo H sử dụng để làm phương tiện trộm cắp tài sản; cả bị cáo và vợ bị cáo H là Hà Thị Hương Giang cũng thừa nhận và đồng ý thu tài sản này nên phải tịch thu để sung quỹ nhà nước.

[8]. *Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại không đề nghị xem xét nên Toa án không giải quyết.

[9]. *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Giang Q; Nguyễn Phi H và Hà Văn Tr đều phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội Cưỡng đoạt tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i; s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Giang Q; Nguyễn Phi H và Hà Văn Tr.

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 điểm b khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh T.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Giang Q 30 (Ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản". Trừ 36 ngày tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 24/5/2019 đến ngày 28/6/2019) quy đổi bằng 03 tháng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Q còn phải chấp hành 26 (Hai mươi sáu) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Phi H 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản". Trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 24/5/2019 đến ngày 02/6/2019) quy đổi bằng 27 (Hai mươi bẩy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo H còn phải chấp hành 23 (Hai mươi ba) tháng 3 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Hà Văn Tr 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trôm cắp tài sản". Trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 24/5/2019 đến ngày 02/6/2019) quy đổi bằng 27 (Hai mươi bẩy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Tr còn phải chấp hành 23 (Hai mươi ba) tháng 3 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Nguyễn Giang Q, Nguyễn Phi H và Hà Văn Tr tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ được giao để giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Hà Văn Tr, Nguyễn Phi H và Nguyễn Giang Q.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 30 (Ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản" và 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Quy đổi 30 (Ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ bằng 10 (mười) tháng tù. Tổng hợp hình phạt hai tội, bị cáo Nguyễn Thanh T phải chấp hành là 25 (Hai mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/5/2019.

2. *Về xử lý vật chứng:*

Áp dụng điểm a khoản 1; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Xác nhận cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại số tiền 6.000.000đồng cho anh Mai Huy S ngày 29/5/2019;

- Xác nhận cơ quan điều tra đã trả lại Công ty TNHH thương mại dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp P do anh Mai Huy S đại diện tài sản gồm: 04 máy khoan cắt malita; 01 máy khoan bê tông makita; 01 máy khoan chuyên dụng makita; 02 máy bắn ghim; 02 súng bắn đinh rút; 01 máy khoan tay makita; 01 máy cầm tay makita; 01 máy bắn ốc makita; 01 máy hàn jasic; 01 máy bắn lazl theo biên bản trả tài sản ngày 08/11/2018.

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thanh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím loại A3S số Imel 1: 86934703166990, số Imel 2: 869347030166982. Tịch thu của bị cáo Nguyễn Giang Q 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu OPPO màu trắng số Imel 1: 863632031114917; số Imel 2: 863632031114909. Tịch thu của bị cáo Nguyễn Phi H 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen có số Imel 1: 869347034303532; số Imel 2: 869347034303524 và tịch thu của Hà Văn Tr 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J2 Prime số Imel 1: 357623084152527; số Imel 2 357624086271025 để sung quỹ nhà nước.

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thanh T 02 sim điện thoại số 0356.527.59 và sim điện thoại số 0328.580.712. Tịch thu của bị cáo Nguyễn Giang Q 01 sim điện thoại số 0978.255.995. Tịch thu của bị cáo Hà Văn Tr 01 sim điện thoại số 0911.193.590. Tịch thu của bị cáo Nguyễn Phi H 02 sim điện thoại số 0386.271.025 và sim điện thoại số 0336.834.651 không còn giá trị sử dụng để tiêu hủy.

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Phi H 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu VEMVIPI, Biển kiểm soát 19Y1 - 8701 để sung quỹ nhà nước.

(Theo biên bản bàn giao vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ngày 04/9/2019).

3. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo: Nguyễn Thanh T, Nguyễn Giang Q; Nguyễn Phi H và Hà Văn Tr, mỗi bị cáo đều phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Thi hành án hình sự;
- Thi hành án dân sự;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
-Lưu Văn phòng;
- Lư hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hán Hưởng